Yếu tố cơ bản thúc đẩy kinh tế toàn cầu trong những năm qua bắt nguồn từ điều kiện tài chính thuận lợi, chính sách thích hợp, niềm tin thị trường tăng cao, và giá cả hàng hóa tăng vững. Những yếu tố này đã khuyến khích các hoạt động đầu tư, qua đó thúc đẩy trao đổi thương mại quốc tế và hỗ trợ tăng trưởng GDP. Trên cơ sở đó, WB đã điều chỉnh nâng dự báo kinh tế toàn cầu năm 2017 lên 3,0%, tăng 0,3% so với dự báo đưa ra hồi tháng 6/2017 và là mức tăng trưởng khá cao so với kết quả tăng 2,4% trong năm 2016. Trong đó, trên một nửa số quốc gia và vùng lãnh thổ ghi nhận xu hướng tăng tốc GDP.

***Tăng trưởng GDP và một số chỉ số kinh tế chủ chốt (% so năm trước)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Kết quả và dự báo** | | | | | | **Thay đổi \*** | | |
|  | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2017** | **2018** | **2019** |
| Thế giới | 2,8 | 2,4 | 3,0 | 3,1 | 3,0 | 2,9 | 0,3 | 0,2 | 0,1 |
| ***Các nước phát triển*** | ***2,2*** | ***1,6*** | ***2,3*** | ***2,2*** | ***1,9*** | ***1,7*** | ***0,4*** | ***0,4*** | ***0,2*** |
| Mỹ | 2,9 | 1,5 | 2,3 | 2,5 | 2,2 | 2,0 | 0,2 | 0,3 | 0,3 |
| Khu vực euro | 2,1 | 1,8 | 2,4 | 2,1 | 1,7 | 1,5 | 0,7 | 0,6 | 0,2 |
| Nhật Bản | 1,4 | 0,9 | 1,7 | 1,3 | 0,8 | 0,5 | 0,2 | 0,3 | 0,2 |
| ***Các EMDE*** | ***3,6*** | ***3,7*** | ***4,3*** | ***4,5*** | ***4,7*** | ***4,7*** | ***0,2*** | ***0,0*** | ***0,0*** |
| Các EMDE xuất khẩu | 0,4 | 0,8 | 1,8 | 2,7 | 3,1 | 3,1 | 0,0 | 0,0 | 0,2 |
| Những EMDE khác | 6,1 | 5,9 | 6,0 | 5,7 | 5,7 | 5,7 | 0,3 | 0,0 | -0,1 |
| Không kể Trung Quốc | 5,2 | 4,9 | 5,1 | 4,8 | 5,1 | 5,1 | 0,5 | -0,1 | 0,0 |
| *Đông Á - TBD* | *6,5* | *6,3* | *6,4* | *6,2* | *6,1* | *6,0* | *0,2* | *0,1* | *0,0* |
| Trung Quốc | 6,9 | 6,7 | 6,8 | 6,4 | 6,3 | 6,2 | 0,3 | 0,1 | 0,0 |
| Indonesia | 4,9 | 5,0 | 5,1 | 5,3 | 5,3 | 5,3 | -0,1 | 0,0 | -0,1 |
| Thái Lan | 2,9 | 3,2 | 3,5 | 3,6 | 3,5 | 3,4 | 0,3 | 0,3 | 0,1 |
| *Châu Âu và Trung Á* | *1,0* | *1,7* | *3,8* | *2,9* | *3,0* | *3,0* | *1,3* | *0,2* | *0,2* |
| CHLB Nga | -2,8 | -0,2 | 1,7 | 1,7 | 1,8 | 1,8 | 0,4 | 0,3 | 0,4 |
| Thổ Nhĩ Kỳ | 6,1 | 3,2 | 6,7 | 3,5 | 4,0 | 4,0 | 3,2 | -0,4 | -0,1 |
| Ba Lan | 3,8 | 2,9 | 4,5 | 4,0 | 3,5 | 3,1 | 1,2 | 0,8 | 0,3 |
| *Mỹ Latinh và Caribê* | *-0,6* | *-1,5* | *0,9* | *2,0* | *2,6* | *2,7* | *0,1* | *-0,1* | *0,1* |
| Brazil | -3,5 | -3,5 | 1,0 | 2,0 | 2,3 | 2,5 | 0,7 | 0,2 | 0,2 |
| Mêhicô | 3,3 | 2,9 | 1,9 | 2,1 | 2,6 | 2,6 | 0,1 | -0,1 | 0,1 |
| Argentina | 2,6 | -2,2 | 2,7 | 3,0 | 3,0 | 3,2 | 0,0 | -0,2 | -0,2 |
| *Trung Đông - Bắc Phi* | *2,8* | *5,0* | *1,8* | *3,0* | *3,2* | *3,2* | *-0,3* | *0,1* | *0,1* |
| Arập Xê út | 4,1 | 1,7 | 0,3 | 1,2 | 2,1 | 2,2 | -0,3 | -0,8 | 0,0 |
| Iran | -1,3 | 13,4 | 3,6 | 4,0 | 4,3 | 4,3 | -0,4 | -0,1 | 0,1 |
| Ai Cập | 4,4 | 4,3 | 4,2 | 4,5 | 5,3 | 5,8 | 0,3 | -0,1 | 0,0 |
| *Nam Á* | *7,1* | *7,5* | *6,5* | *6,9* | *7,2* | *7,2* | *-0,3* | *-0,2* | *-0,1* |
| Ấn Độ | 8,0 | 7,1 | 6,7 | 7,3 | 7,5 | 7,5 | -0,5 | -0,2 | -0,2 |
| Pakistan | 4,1 | 4,5 | 5,3 | 5,5 | 5,8 | 6,0 | 0,1 | 0,0 | 0,0 |
| Bangladesh | 6,6 | 7,1 | 7,2 | 6,4 | 6,7 | 6,7 | 0,4 | 0,0 | 0,0 |
| *Khu vực Cận Sahara* | *3,1* | *1,3* | *2,4* | *3,2* | *3,5* | *3,6* | *-0,2* | *0,0* | *0,0* |
| CH Nam Phi | 1,3 | 0,3 | 0,8 | 1,1 | 1,7 | 1,7 | 0,2 | 0,0 | -0,3 |
| Nigeria | 2,7 | -1,6 | 1,0 | 2,5 | 2,8 | 2,8 | -0,2 | 0,1 | 0,3 |
| Angola | 3,0 | 0,0 | 1,2 | 1,6 | 1,5 | 1,5 | 0,0 | 0,7 | 0,0 |
| Các nước thu nhập cao | 2,3 | 1,7 | 2,2 | 2,2 | 1,9 | 1,8 | 0,3 | 0,3 | 0,2 |
| Các nước đang phát triển | 3,6 | 3,8 | 4,5 | 4,7 | 4,8 | 4,9 | 0,2 | 0,0 | -0,1 |
| Các nước thu nhập thấp | 4,7 | 4,5 | 5,1 | 5,4 | 5,5 | 5,7 | -0,3 | -0,4 | -0,3 |
| Nhóm BRICS | 4,0 | 4,4 | 5,2 | 5,3 | 5,4 | 5,4 | 0,2 | 0,1 | 0,0 |
| Thương mại quốc tế | 2,7 | 2,3 | 4,3 | 4,0 | 3,9 | 3,8 | 0,3 | 0,2 | 0,1 |
| Giá dầu thế giới | -47,3 | -15,6 | 23,8 | 9,4 | 1,7 | 1,7 | 0,0 | 3,7 | -3,7 |
| Giá hàng hóa khác | -15,0 | -2,6 | 4,9 | 0,6 | 0,8 | 1,2 | 0,9 | -0,1 | -0,2 |

Nguồn: WB (\*): Thay đổi so với dự báo tháng 6/2017

Tại các nước phát triển, GDP năm 2017 tăng khoảng 2,3%, chủ yếu nhờ các doanh nghiệp mở rộng chi tiêu đầu vào cho sản xuất - kinh doanh, tồn kho tăng trở lại, nhu cầu quốc tế tăng vững. Trong số các nền kinh tế chủ chốt, khu vực đồng tiền chung euro ghi nhận kết quả cải thiện rõ rệt nhất.

Tại các nước đang phát triển và mới nổi (EMDEs), GDP tiếp tục tăng tốc trong năm 2017 với mức tăng trưởng 4,3%, phản ánh hoạt động kinh tế sôi động tại các nước xuất khẩu và tiếp tục tăng cao tại các nước nhập khẩu. Đáng chú ý, kinh tế Brazil và CHLB Nga bắt đầu phục hồi sau nhiều năm chìm trong suy thoái. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP khoảng 1,8% tại các nước xuất khẩu hàng hóa trong năm 2017 được cho là yếu ớt và không đủ để cải thiện thu nhập bình quân theo đầu người, vốn đã giảm thấp trong những năm trước đó.

Theo các chuyên gia WB, GDP toàn cầu năm 2018 được dự báo tăng 3,1%, nhờ động lực mang tính chu kỳ vẫn còn phát huy tác dụng, nhưng sau đó giảm trở lại về mức tăng trưởng trung bình 3,0% trong hai năm 2019-2020, với sự khác biệt đáng kể giữa các nước phát triển và nhóm các EMDE. Tại các nước phát triển, GDP được dự báo sẽ tăng chậm dần, khi thị trường lao động cải thiện dần và các nước rút dần chính sách tiền tệ nới lỏng, GDP trở về mức tăng trưởng trầm lắng tiềm năng, trong bối cảnh dân số già hóa và năng suất tăng chậm dần.

Trái lại, GDP tại các EMDE được kỳ vọng sẽ tăng tốc, đạt 4,5% vào năm 2018 và tăng trung bình 4,7% trong hai năm 2019-2020. Nguyên nhân chủ yếu là do kinh tế các nước xuất khẩu tiếp tục tăng cao, có thể tăng 2,7% vào năm 2018 và 3,1% vào năm 2019-2020, khi giá dầu và các loại hàng hóa tăng vững, đẩy lùi tác động tiêu cực bắt nguồn từ đợt suy giảm giá cả trong những năm trước đây. Trong nhóm các nước nhập khẩu hàng hóa, GDP được dự báo tiếp tục ổn định, đạt mức tăng trung bình 5,7% trong ba năm 2018-2020, do GDP tăng chậm dần tại Trung Quốc được bù đắp bởi đà phục hồi GDP tại một số nền kinh tế lớn khác. Trong nhóm các EMDE, GDP tại các nước thu nhập thấp được dự báo tăng 5,4% trong năm 2018 và tăng trung bình 5,6% trong hai năm 2019-2020, nhờ tình hình cải thiện dần tại các nước xuất khẩu dầu và kim loại.

Mặc dù GDP tại các EMDE được dự báo tăng vững, nhưng mức tăng trưởng tiềm năng vẫn thấp đáng kể so với thời kỳ trước khủng hoảng tài chính 2008-2009, và có thể tiếp tục giảm trong thập kỷ tới đây. Nguyên nhân cơ bản là do khả năng tích lũy tư bản trầm lắng, năng suất tăng chậm dần và xu hướng già hóa dân số.

Báo cáo nhận định, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nguy cơ tăng trưởng thấp, nhưng cân bằng hơn so với dự báo trước đây. Nguyên nhân có thể là do GDP tại các nền kinh tế hàng đầu tăng cao hơn so với kỳ vọng, như đầu tư tại Mỹ và khu vực euro tăng cao, kinh tế tại các nước mới nổi hàng đầu (Brazil và CHLB Nga) phục hồi mạnh.

Tại báo cáo này, các chuyên gia nhấn mạnh một số rủi ro cơ bản, bao gồm những rối loạn trên thị trường tài chính. Thí dụ, khó khăn tài chính bất ngờ hay mức chao đảo tăng cao có thể làm trầm trọng thêm những rối loạn tài chính và cản trở tiềm năng tăng trưởng kinh tế. Đáng chú ý, chi phí vay vốn tăng cao có thể gây tác động đối ngược và là vấn đề cấp bách, nhất là tại những EMDE cần vay nhiều vốn đầu tư của nước ngoài, ảnh hưởng xấu đến bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp cũng như tính bền vững của nền tài khóa quốc gia. Thêm vào đó, xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ và rủi ro địa chính trị cũng có thể cản trở niềm tin, trao đổi thương mại, và hoạt động kinh tế nói chung. Trong dài hạn, tăng trưởng tiềm năng chậm dần tại các nước phát triển và các EMDE có thể khiến kinh tế toàn cầu dễ bị tổn thương trước những cú sốc và tiêu tan hy vọng về khả năng cải thiện mức sống.

Báo cáo nhấn mạnh, các nhà tạo lập chính sách tại các nước phát triển và đang phát triển phải tập trung tìm kiếm những giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tiềm năng kinh tế dài hạn. Do tình trạng thất nghiệp đã giảm về tỷ lệ trước khủng hoảng và kinh tế tại các nước phát triển đã phục hồi vững chắc, cần thu hẹp dần những ưu tiên về chính sách tài chính và tiền tệ, đồng thời đẩy nhanh cải cách để nâng cao năng suất trước áp lực của xu hướng già hóa dân số.

Bên cạnh những vấn đề mang tính chu kỳ, các EMDE còn đối mặt với thách thức do tiềm năng tăng trưởng chậm dần. Điều này đòi hỏi phải nhanh chóng thực hiện các chính sách mang tính cơ cấu, như cải thiện hệ thống y tế và giáo dục, nâng cao chất lượng đầu tư, thị trường lao động, kỹ năng quản trị, và cải thiện môi trường kinh doanh. Qua đó sẽ củng cố tăng trưởng kinh tế dài hạn, góp phần giảm nghèo bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

***Hoàng Thế Thỏa*** *(Nguồn: WB tháng 01/2018)*